

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2018**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ**

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam,  
Số 167 Trung Kính, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 25

11001  
CÔP  
SÁCH N  
DEL  
VIỆ  
NG Đ

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ**

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam,  
Số 167 Trung Kính, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Nhật Dương	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2018)
Ông Gao Zhixin	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018, miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2018)
Ông Văn Tuấn Anh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018)
Ông Cheung Yipsang	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Tú	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2018)
Ông Nguyễn Chí Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2018)
Ông Nguyễn Quyết Thắng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018)

##### **Ban Giám đốc**

Ông Văn Tuấn Anh	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2018)
Ông Lu Zhiming	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2018) Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2018)
Ông Bùi Xuân Năng	Phó Giám đốc
Ông Chen Zhibin	Phó Giám đốc
Ông Martin Wong Siew Bing	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2018)

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Văn Tuấn Anh**  
Giám đốc

Ngày tháng 8 năm 2018



Số: 19/1 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày tháng 8 năm 2018, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Trần Huy Công**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0891-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 8 tháng 8 năm 2018  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>205.445.018.700</b>	<b>209.414.612.413</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>22.273.192.079</b>	<b>19.710.379.257</b>
1. Tiền	111		12.973.192.079	14.910.379.257
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.300.000.000	4.800.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>78.939.712.025</b>	<b>108.963.392.517</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		78.939.712.025	108.963.392.517
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>76.124.490.006</b>	<b>56.103.118.510</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	45.078.912.641	47.116.174.510
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	7.655.391.086	7.398.271.916
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	20.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	3.390.186.279	3.436.701.205
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	-	(1.848.029.121)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>26.043.502.299</b>	<b>22.378.495.178</b>
1. Hàng tồn kho	141		26.043.502.299	22.378.495.178
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.064.122.291</b>	<b>2.259.226.951</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	415.219.141	687.007.127
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.648.903.150	1.572.219.824
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>42.742.813.830</b>	<b>41.040.673.847</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.377.476.939</b>	<b>1.286.420.658</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	8.297.946.133	5.441.215.962
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	85.295.872	85.295.872
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10	(6.005.765.066)	(4.240.091.176)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.378.875.898</b>	<b>17.810.857.237</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	16.503.203.449	16.910.777.280
- Nguyên giá	222		26.272.668.435	25.420.673.889
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.769.464.986)	(8.509.896.609)
2. Tài sản cố định vô hình	227		875.672.449	900.079.957
- Nguyên giá	228		1.408.758.913	1.408.758.913
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(533.086.464)	(508.678.956)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.340.663.067</b>	<b>1.340.663.067</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.340.663.067	1.340.663.067
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>65.272.150</b>	<b>91.591.658</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		65.272.150	91.591.658
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>21.580.525.776</b>	<b>20.511.141.227</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	21.475.345.565	20.436.578.562
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	105.180.211	74.562.665
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>248.187.832.530</b>	<b>250.455.286.260</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>41.426.119.404</b>	<b>39.736.205.081</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>40.465.231.258</b>	<b>39.139.902.546</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	30.282.094.514	29.144.709.590
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.362.221.152	3.882.099.669
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	143.688.545	735.170.025
4. Phải trả người lao động	314		851.722.912	970.218.817
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	977.379.316	627.492.400
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		284.720.040	254.153.661
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	2.722.200.183	3.027.553.239
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	362.572.210	454.299.945
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		478.632.386	44.205.200
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>960.888.146</b>	<b>596.302.535</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	64.973.380	53.581.930
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	895.914.766	542.720.605
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>206.761.713.126</b>	<b>210.719.081.179</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>206.761.713.126</b>	<b>210.719.081.179</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		188.700.000.000	188.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		188.700.000.000	188.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.480.000.000	15.480.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.596.615.372	2.596.615.372
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		337.031.314	337.031.314
5. (Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(351.933.560)	3.605.434.493
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ/năm trước	421a		2.670.216.282	1.217.178.563
- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(3.022.149.842)	2.388.255.930
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>248.187.832.530</b>	<b>250.455.286.260</b>



**Phan Ngọc Lan**  
Người lập biểu



**Đặng Thái Hà**  
Kế toán trưởng

  
**Văn Tuấn Anh**  
Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		156.591.734.566	151.641.912.255
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		850.828.154	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>155.740.906.412</b>	<b>151.641.912.255</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	145.612.946.064	143.503.841.927
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>10.127.960.348</b>	<b>8.138.070.328</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	3.418.289.691	3.632.349.256
7. Chi phí tài chính	22		3.256.000	3.132.869
8. Chi phí bán hàng	25	27	6.886.085.824	6.278.823.653
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	9.728.980.662	9.088.154.342
<b>10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>(3.072.072.447)</b>	<b>(3.599.691.280)</b>
11. Thu nhập khác	31	28	119.923.287	921.491.303
12. Chi phí khác	32		682	205.655.346
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>119.922.605</b>	<b>715.835.957</b>
<b>14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(2.952.149.842)</b>	<b>(2.883.855.323)</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	30.617.546	-
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29	(30.617.546)	97.312.921
<b>17. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(2.952.149.842)</b>	<b>(2.981.168.244)</b>
<b>18. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>30</b>	<b>(161)</b>	<b>(162)</b>



Phan Ngọc Lan  
 Người lập biểu



Đặng Thái Hà  
 Kế toán trưởng



Văn Tuấn Anh  
 Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này.



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ  
(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	169.396.724.625	175.785.868.130
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(168.452.434.574)	(170.636.601.610)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.984.179.982)	(7.156.863.920)
4. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(906.904.082)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.367.993.878	1.948.183.213
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.364.678.863)	(3.431.619.957)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(10.943.478.998)</b>	<b>(3.491.034.144)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(925.380.000)	(5.414.543.058)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(77.500.000.000)	(101.802.842.874)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	87.550.000.000	101.477.851.402
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.460.365.696	6.106.677.501
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>13.584.985.696</b>	<b>367.142.971</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(86.565.900)	(11.197.650)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(86.565.900)</b>	<b>(11.197.650)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>2.554.940.798</b>	<b>(3.135.088.823)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>19.710.379.257</b>	<b>49.277.750.246</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	7.872.024	(2.089.100)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>22.273.192.079</b>	<b>46.140.572.323</b>



Phan Ngọc Lan  
Người lập biểu



Đặng Thái Hà  
Kế toán trưởng



Văn Tuấn Anh  
Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty") hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần thứ 16 ngày 26 tháng 6 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 188.700.000.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 29 tháng 12 năm 2010 với mã cổ phiếu là PCG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 111 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 104).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy, thiết bị và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh gas;
- Tư vấn, lập dự án đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống, thiết bị công nghệ phục vụ cung cấp, sản xuất khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Kinh doanh và vận chuyển qua mạng đường ống, xe bồn chuyên dụng, tàu hỏa chuyên dụng và các loại khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME); vận chuyển bình khí bằng xe tải;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất, phụ kiện ngành khí; kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Xây dựng kho bãi, trạm chiết nạp phục vụ cho hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Đào tạo lao động phục vụ ngành khí (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: môi giới, định giá, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản (không bao gồm hoạt động môi giới giá đất);
- Kinh doanh thiết bị chuyển đổi từ nhiên liệu xăng, diesel sang LPG, CNG, LNG;
- Dịch vụ tư vấn, thi công, lắp đặt, cung cấp thiết bị hệ thống điều hòa không khí, điện, nước, thang máy, trang trí nội ngoại thất, thiết bị phòng cháy, chữa cháy;
- Thi công, lắp đặt, đầu tư và vận hành hệ thống thiết bị cung cấp LPG cho khu đô thị, khu công nghiệp;
- Thiết kế, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế, lắp đặt thiết bị, công nghệ hệ thống thi công khí gas công trình xây dựng;
- Giám sát thi công, xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải đường ống;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá;
- Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Bán buôn tổng hợp.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có một Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4113029854 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 10 năm 2007, thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 11 năm 2012.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty đã được soát xét.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng kể từ ngày gửi, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Kỳ này</u> <u>(Số năm)</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng phản ánh chi phí thuê 508 m<sup>2</sup> văn phòng tại tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2010. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng: Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## **4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu kỳ</u> <b>VND</b>
Tiền mặt	501.031.591	473.271.169
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.472.160.488	14.437.108.088
Các khoản tương đương tiền (i)	9.300.000.000	4.800.000.000
	<b><u>22.273.192.079</u></b>	<b><u>19.710.379.257</u></b>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh số dư tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng kể từ ngày gửi.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	78.939.712.025	78.939.712.025	108.963.392.517	108.963.392.517
	<b>78.939.712.025</b>	<b>78.939.712.025</b>	<b>108.963.392.517</b>	<b>108.963.392.517</b>
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	65.272.150	65.272.150	91.591.658	91.591.658
	<b>65.272.150</b>	<b>65.272.150</b>	<b>91.591.658</b>	<b>91.591.658</b>

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn thu hồi dưới 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn thu hồi trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, các khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội ("SHB") với số tiền là 74.939.712.025 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 81.413.392.517 VND) và các khoản tiền gửi dài hạn tại SHB với số tiền là 65.272.150 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 91.591.658 VND) đang được dùng làm tài sản đảm bảo cho các chứng thư bảo lãnh của SHB cho Công ty.

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
- Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	9.646.034.150	10.629.867.521
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Dầu khí Việt Hải	3.078.203.616	3.216.589.389
- Các khoản phải thu khách hàng khác	32.354.674.875	33.269.717.600
	<b>45.078.912.641</b>	<b>47.116.174.510</b>
<b>b. Phải thu dài hạn của khách hàng</b>		
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long	4.006.942.801	423.124.826
- Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Xuân Mai	2.100.000.000	2.250.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Hà Nội	819.102.549	819.102.549
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.371.900.783	1.948.988.587
	<b>8.297.946.133</b>	<b>5.441.215.962</b>



**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (i)	5.577.000.000	5.577.000.000
Đối tượng khác	2.078.391.086	1.821.271.916
	<b>7.655.391.086</b>	<b>7.398.271.916</b>

(i) Phản ánh khoản ứng trước theo Hợp đồng số 2533/2017/HĐMB-UVK và 2534/2017/HĐMB-UVK ngày 05 tháng 01 năm 2017 để mua 02 căn hộ tòa nhà CT4-108 thuộc Dự án USILK City do Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long làm chủ đầu tư cho mục đích đầu tư để bán. Theo hợp đồng mua bán, các căn hộ này sẽ được bàn giao chậm nhất là vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Ban Giám đốc Công ty đánh giá là sẽ bán được với giá không thấp hơn giá trị ghi sổ trong tương lai.

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

Phản ánh số dư phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Tú theo Hợp đồng cho vay số 12/HĐKĐT ngày 10 tháng 5 năm 2018 với số tiền gốc cho vay là 20.000.000.00 VND và lãi suất vay 8%/năm. Thời hạn của khoản vay là 9 tháng kể từ ngày 09 tháng 5 năm 2018 đến ngày 08 tháng 02 năm 2019. Gốc vay và lãi vay được trả một lần vào ngày hết hạn khoản vay.

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Lãi dự thu	1.375.392.036	2.425.340.065
- Tạm ứng	1.332.763.850	841.361.140
- Các khoản phải thu khác	682.030.393	170.000.000
	<b>3.390.186.279</b>	<b>3.436.701.205</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Ký cược, ký quỹ	85.295.872	85.295.872
	<b>85.295.872</b>	<b>85.295.872</b>

**10. NỢ XẤU**

Đối tượng	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn
<b>Phải thu, cho vay quá hạn</b>	<b>8.274.570.612</b>	<b>2.268.805.546</b>		<b>8.434.324.767</b>	<b>2.346.204.470</b>	
Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long	4.006.942.801	2.003.471.401	Từ 1 năm đến trên 3 năm	4.006.942.801	2.188.576.005	Từ 6 tháng đến trên 3 năm
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	2.100.000.000	-	Trên 3 năm	2.250.000.000	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Hà Nội	819.102.549	-	Trên 3 năm	819.102.549	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	1.348.525.262	265.334.145	Trên 6 tháng	1.358.279.417	157.628.465	Trên 6 tháng

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu cần được trình bày, tuy nhiên Thông tư này không hướng dẫn cách thức xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu. Theo đó, Công ty trình bày giá trị có thể thu hồi nêu trên bằng giá gốc trừ đi khoản dự phòng đã trích lập.

**11. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.359.647.776	-	10.753.003.284	-
Công cụ, dụng cụ	8.534.399	-	9.154.399	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.444.155.710	-	4.816.041.771	-
Hàng hoá	5.231.164.414	-	6.800.295.724	-
<b>Cộng</b>	<b>26.043.502.299</b>	<b>-</b>	<b>22.378.495.178</b>	<b>-</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.400.897	38.729.132
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	410.818.244	648.277.995
	<b>415.219.141</b>	<b>687.007.127</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Tiền thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam	21.118.538.279	20.117.475.409
Chi phí trả trước dài hạn khác	356.807.286	319.103.153
	<b>21.475.345.565</b>	<b>20.436.578.562</b>

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	222.458.772	1.494.762.818	131.973.635	23.571.478.664	25.420.673.889
Mua sắm mới	-	851.994.546	-	-	851.994.546
Số dư cuối kỳ	222.458.772	2.346.757.364	131.973.635	23.571.478.664	26.272.668.435
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	222.458.772	1.494.762.818	105.922.805	6.686.752.214	8.509.896.609
Trích khấu hao trong kỳ	-	19.820.711	5.909.094	1.233.838.572	1.259.568.377
Số dư cuối kỳ	222.458.772	1.514.583.529	111.831.899	7.920.590.786	9.769.464.986
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày cuối kỳ	-	832.173.835	20.141.736	15.650.887.878	16.503.203.449
Tại ngày đầu kỳ	-	-	26.050.830	16.884.726.450	16.910.777.280

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với số tiền là 4.270.550.877 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4.270.550.877 VND).

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Trạm cấp gas Phú Mỹ Hưng (i)	1.295.163.067	1.295.163.067
Trạm cấp gas cho Khu đô thị Vĩnh Điềm Trung - Nha Trang	45.500.000	45.500.000
	<b><u>1.340.663.067</u></b>	<b><u>1.340.663.067</u></b>

(i) Phản ánh các khoản chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác liên quan tới việc xây dựng trạm cấp gas Phú Mỹ Hưng của Công ty. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, quá trình thi công của Dự án đang tạm dừng để chờ điều chỉnh quy hoạch. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc xây dựng Dự án trên sẽ tiếp tục được tiến hành trong các năm tới và Công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện Dự án này.

**15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	105.180.211	74.562.665
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b><u>105.180.211</u></b>	<b><u>74.562.665</u></b>

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	16.246.035.156	16.246.035.156	20.431.820.943	20.431.820.943
Công ty TNHH MTV Đầu tư, XD và Kinh doanh Dịch vụ Quảng Ngãi	6.167.252.759	6.167.252.759	3.238.083.230	3.238.083.230
Công Ty Cổ Phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	4.724.005.642	4.724.005.642	2.738.905.560	2.738.905.560
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	49.116.756	49.116.756	111.394.125	111.394.125
Các đối tượng khác	3.095.684.201	3.095.684.201	2.624.505.732	2.624.505.732
	<b><u>30.282.094.514</u></b>	<b><u>30.282.094.514</u></b>	<b><u>29.144.709.590</u></b>	<b><u>29.144.709.590</u></b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Phát sinh trong kỳ			
	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	-	370.352.656	247.646.789	122.705.867
Thuế thu nhập doanh nghiệp	662.530.500	244.373.582	906.904.082	-
Thuế thu nhập cá nhân	72.639.525	152.505.136	204.161.983	20.982.678
Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí	-	98.040.000	98.040.000	-
<b>Cộng</b>	<b>735.170.025</b>	<b>869.271.374</b>	<b>1.460.752.854</b>	<b>143.688.545</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trích trước chi phí dự án	596.831.354	312.800.000
Chi phí phải trả khác	380.547.962	314.692.400
	<b>977.379.316</b>	<b>627.492.400</b>

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Phải trả cổ tức	1.250.831.200	1.346.218.160
Kinh phí công đoàn	174.229.382	235.184.437
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.089.883.539	880.605.144
Phải trả các tổ đội thi công	-	346.065.800
Các khoản khác	207.256.062	219.479.698
	<b>2.722.200.183</b>	<b>3.027.553.239</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	64.973.380	53.581.930
	<b>64.973.380</b>	<b>53.581.930</b>

**20. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG**

	<u>Kỳ này</u>	
	<b>VND</b>	
Số dư đầu kỳ		997.020.550
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ		379.513.669
Hoàn nhập dự phòng		(116.736.647)
Các khoản dự phòng đã sử dụng		(1.310.596)
<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>1.258.486.976</b>
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi tiết:</b>		
- Ngắn hạn	362.572.210	454.299.945
- Dài hạn	895.914.766	542.720.605
	<b>1.258.486.976</b>	<b>997.020.550</b>

Dự phòng bảo hành công trình là ước tính của Ban Giám đốc về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành Công ty áp dụng đối với các công trình xây dựng dựa trên cơ sở thống kê của Công ty về các công trình xây dựng phát sinh nghĩa vụ phải bảo hành.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÓ THỊ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của		Thặng dư		Quỹ khác thuộc		Quỹ đầu tư		(Lỗ lũy kế)/Lợi		Cộng
	chủ sở hữu	VND	vốn cổ phần	VND	vốn chủ sở hữu	VND	phát triển	VND	chưa phân phối	VND	
<b>01/01/2017</b>	<b>188.700.000.000</b>	<b>188.700.000.000</b>	<b>15.480.000.000</b>	<b>15.480.000.000</b>	<b>337.031.314</b>	<b>337.031.314</b>	<b>2.596.615.372</b>	<b>2.596.615.372</b>	<b>1.219.046.926</b>	<b>1.219.046.926</b>	<b>208.332.693.612</b>
(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.981.168.244)	(2.981.168.244)	(2.981.168.244)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	-	-	-	(78.000.000)	(78.000.000)	(78.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.868.363)	(1.868.363)	(1.868.363)
<b>30/6/2017</b>	<b>188.700.000.000</b>	<b>188.700.000.000</b>	<b>15.480.000.000</b>	<b>15.480.000.000</b>	<b>337.031.314</b>	<b>337.031.314</b>	<b>2.596.615.372</b>	<b>2.596.615.372</b>	<b>(1.841.989.681)</b>	<b>(1.841.989.681)</b>	<b>205.271.657.005</b>
<b>01/01/2018</b>	<b>188.700.000.000</b>	<b>188.700.000.000</b>	<b>15.480.000.000</b>	<b>15.480.000.000</b>	<b>337.031.314</b>	<b>337.031.314</b>	<b>2.596.615.372</b>	<b>2.596.615.372</b>	<b>3.605.434.493</b>	<b>3.605.434.493</b>	<b>210.719.081.179</b>
(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.952.149.842)	(2.952.149.842)	(2.952.149.842)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	-	-	-	(477.651.186)	(477.651.186)	(477.651.186)
Thù lao Hội đồng Quản trị (i)	-	-	-	-	-	-	-	-	(70.000.000)	(70.000.000)	(70.000.000)
Giảm khác (ii)	-	-	-	-	-	-	-	-	(457.567.025)	(457.567.025)	(457.567.025)
<b>30/6/2018</b>	<b>188.700.000.000</b>	<b>188.700.000.000</b>	<b>15.480.000.000</b>	<b>15.480.000.000</b>	<b>337.031.314</b>	<b>337.031.314</b>	<b>2.596.615.372</b>	<b>2.596.615.372</b>	<b>(351.933.560)</b>	<b>(351.933.560)</b>	<b>206.761.713.126</b>

(i) Ban Giám đốc Công ty quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và các khoản thù lao Hội đồng Quản trị từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết số 01/NQ-DHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2018. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc trích quỹ như trên sẽ phản ánh đúng tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

(ii) Giảm khác thể hiện khoản truy thu thuế phải nộp phát sinh thêm và các khoản xử lý hành chính do chậm nộp theo Quyết định số 25596/QĐ-CT-TTr2 của Cục thuế Thành phố Hà Nội về việc xử lý kết quả thanh tra việc chấp hành thuế của Công ty trong năm 2016 và năm 2017. Ban Giám đốc quyết định điều chỉnh vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và tin tưởng rằng việc ghi nhận này là phù hợp với thời điểm phát sinh nghĩa vụ thuế của Công ty.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 188.700.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ. Cụ thể như sau:

	<b>Vốn đã góp</b>			
	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu kỳ</b>	
	<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
ENN Energy	82.820.000.000	43,9	82.820.000.000	43,9
Nguyễn Thanh Tú	22.477.000.000	11,9	22.479.000.000	11,9
Bùi Thị Hồng Anh	19.015.000.000	10,1	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Tú	17.911.000.000	9,5	18.901.000.000	10,0
Nguyễn Chí Dũng	-	-	7.509.000.000	4,0
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	-	-	33.500.000.000	17,8
Các cổ đông phổ thông khác	46.477.000.000	24,6	23.491.000.000	12,4
	<b>188.700.000.000</b>	<b>100</b>	<b>188.700.000.000</b>	<b>100</b>

**22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là lắp đặt hệ thống gas trung tâm và kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp. Các hoạt động liên quan đến xây lắp và cung cấp dịch vụ khác cũng là để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chính này. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính và dịch vụ có liên quan.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

**23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>156.591.734.566</b>	<b>151.641.912.255</b>
Doanh thu bán hàng hóa	146.861.235.631	148.260.396.367
Doanh thu hợp đồng xây dựng	6.656.719.680	3.263.097.710
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.073.779.255	118.418.178
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>850.828.154</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>155.740.906.412</b>	<b>151.641.912.255</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hàng hóa	137.254.268.303	140.084.473.278
Giá vốn hoạt động xây dựng	7.234.131.741	3.412.768.649
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.124.546.020	6.600.000
	<b>145.612.946.064</b>	<b>143.503.841.927</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.410.417.667	3.631.049.256
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.872.024	1.300.000
	<b>3.418.289.691</b>	<b>3.632.349.256</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp	8.650.753.059	900.865.755
Chi phí nhân công	11.137.327.448	7.691.920.680
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.283.975.885	866.422.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.605.557.025	7.270.486.189
Chi phí khác	-	875.206.977
	<b>29.677.613.417</b>	<b>17.604.902.436</b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
- Chi phí nhân viên	1.676.049.747	2.426.922.477
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.696.954.030	3.352.767.451
- Các khoản chi phí bán hàng khác	513.082.047	499.133.725
	<b>6.886.085.824</b>	<b>6.278.823.653</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
- Chi phí nhân viên	6.458.006.818	4.344.067.483
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.814.963.632	3.302.309.751
- (Hoàn nhập)/Trích lập các khoản dự phòng	(82.355.231)	875.206.977
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	538.365.443	566.570.131
	<b>9.728.980.662</b>	<b>9.088.154.342</b>



**28. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Hoàn nhập chi phí bảo hành	116.736.647	722.582.861
Thu tiền phạt hợp đồng	-	195.304.500
Thu nhập khác	3.186.640	3.603.942
	<b>119.923.287</b>	<b>921.491.303</b>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	30.617.546	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>30.617.546</b>	<b>-</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
<b>(Lỗ) trước thuế</b>	<b>(2.952.149.842)</b>	<b>(2.883.855.323)</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>133.607.905</b>	<b>435.137.662</b>
Trừ: Chi phí không được khấu trừ kỳ trước hiện đã đủ điều kiện khấu trừ	(300.231.664)	(442.331.459)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	433.839.569	877.469.121
<b>Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	97.312.921
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(30.617.546)	-
<b>Tổng (thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(30.617.546)</b>	<b>97.312.921</b>

**30. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
<b>(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(2.952.149.842)</b>	<b>(2.981.168.244)</b>
Trừ: Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	(70.000.000)	(78.000.000)
Cộng: Tặng khác	(7.872.024)	2.089.100
<b>Lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(3.030.021.866)</b>	<b>(3.057.079.144)</b>
Cổ phiếu bình quân đang lưu hành trong kỳ	18.870.000	18.870.000
<b>Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(161)</b>	<b>(162)</b>

**31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	306.472.686	306.472.686

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Trong vòng một năm	2.451.918.444	2.558.372.667
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.240.745.667	3.441.827.000
	<b>4.692.664.111</b>	<b>6.000.199.667</b>

Khoản thanh toán thuê hoạt động phản ánh số tiền thuê 508 m<sup>2</sup> diện tích văn phòng tại tầng 4, Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2010.

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

**Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị:**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập của Ban Giám đốc	625.250.992	979.171.223
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị	70.000.000	78.000.000

Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện soát xét và nhận thấy trong kỳ, Công ty không có bên liên quan nào khác ngoài các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.



Phan Ngọc Lan  
Người lập biểu



Đặng Thái Hà  
Kế toán trưởng



Văn Tuấn Anh  
Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2018